

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

- Bản án số: **149/2023/DS-ST**
- Ngày 25 tháng 7 năm 2023
- V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Liễu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Văn Hùng**
2. Bà **Bùi Thu Hảo**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Huỳnh Thanh Tùng** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa: Ông **Phan Ngọc Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công - Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2023 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Diệu T**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp K Tr, xã BÂ, huyện G C Đ, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo uỷ quyền: Anh **Trần Quang V**, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp GM, xã BÂ, huyện G C Đ, tỉnh Tiền Giang.

- Bi đơn: Anh **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN :

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Diệu T và trong quá trình tố tụng đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Trần Quang V trình bày:*

Do mỗi quen biết nên ngày 06/10/2022, chị T có cho vợ chồng chị T, anh L vay số tiền là 95.000.000 đồng, không tính lãi suất. Đến ngày 25/01/2023 (AL), chị T và anh L có viết biên nhận và ký tên hẹn 01 tháng đến ngày 30/02/2023 (AL) trả lại số tiền trên cho chị Thúy. Đến nay anh L, chị T không trả. Nay yêu cầu anh L, chị T trả cho chị Thúy số tiền vay vốn còn nợ là 95.000.000 đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

** Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn chị Lê Thị T trình bày:*

Chị có vay tiền của chị T nhiều lần đến ngày 23/01/2023 (AL) hai bên kết nợ, chị còn nợ chị Thúy số tiền 95.000.000 đồng. Sau đó, chị có trả được cho chị Thúy số tiền 28.000.000 đồng, khi trả có chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1965 ngụ ấp HB, xã B Ngh, huyện GC Đ, tỉnh Tiền Giang chứng kiến, còn nợ lại số tiền 67.000.000 đồng. Nay chị đồng ý trả số tiền 67.000.000 đồng nhưng xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Thanh L trình bày:*

Anh là chồng chị T. Chị T có vay tiền chị Thúy số tiền là 95.000.000 đồng, anh biết và có xin trả dần. Sau đó, chị T có trả được 28.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 67.000.000 đồng. Vợ chồng anh xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng:*

+ *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:*

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị Trần Thị Diệu T với anh Nguyễn Thanh L, chị Lê Thị T, địa chỉ khu phố 4, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26,

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Thanh L, chị Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng anh L, chị T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Diệu T. Hội đồng xét xử xét thấy:

+ *Về số tiền vay:*

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của chị Thúy vẫn giữ yêu cầu anh L, chị T trả cho chị Thúy số tiền vay vốn còn nợ là 95.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

Trong quá trình tố tụng chị T thừa nhận có vay tiền của chị Thúy và còn nợ chị Thúy số tiền 95.000.000 đồng. Sau đó, chị có trả cho chị Thúy số tiền 28.000.000 đồng, khi trả có chị Nguyễn Thị B chứng kiến, chị chỉ còn nợ lại số tiền 67.000.000 đồng. Nay chị đồng ý trả số tiền 67.000.000 đồng nhưng xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Anh L biết chị T có vay tiền để sinh hoạt trong gia đình, nay anh đồng ý cùng chị T trả số tiền 67.000.000 đồng.

Lời trình bày của anh L, chị T không được đại diện theo ủy quyền của chị Thúy thừa nhận, Tòa án có mời chị B đến để đối chất nhưng chị B không đến, ngoài lời trình bày này, anh L, chị T không có chứng cứ khác để chứng minh nên việc anh L, chị T cho rằng có trả cho chị T số tiền 28.000.000 đồng là không có cơ sở.

Như vậy, căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị T và anh L có vay và còn nợ chị T số tiền vốn gốc là 95.000.000 đồng nên có nghĩa vụ trả cho chị T là có cơ sở.

+ *Về thời gian trả nợ:*

Anh L, chị T đã vi phạm thời gian trả nợ nên cần buộc anh L, chị T trả cho chị Thúy số tiền 95.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu của chị Trần Thị Diệu T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

+ *Về án phí:*

Anh Nguyễn Thanh L, chị Lê Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Diệu T được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự
- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Diệu T.

Buộc anh Nguyễn Thanh L và chị Lê Thị T cùng có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Diệu T số tiền vay vốn còn nợ là 95.000.000 đồng (*Chín mươi lăm triệu đồng*).

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

- Anh Nguyễn Thanh L và chị Lê Thị T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.750.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Hoàn lại chị Trần Thị Diệu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.375.000 đồng (*Hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0027294 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- C.C THADS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ BÍCH LIỄU